

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ ĐẾN TỶ LỆ THẤT NGHIỆP Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ CỦA VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Đông
Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Tóm tắt: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình khách quan làm thay đổi cấu trúc, tỷ trọng, tốc độ và chất lượng các mối quan hệ kinh tế giữa các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế nhằm đạt tới một cơ cấu hợp lý hơn, tạo thế và lực mới cho tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên trên thực tế, sự vận động, biến đổi của cơ cấu kinh tế diễn ra rất đa dạng, có nhiều khi không theo đúng quy luật của nó và kết quả có được từ chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng có thể tùy thuộc vào một số các yếu tố chủ quan hay khách quan khác.

Việt Nam trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường đã thể hiện được sự chuyển dịch đúng hướng về cơ cấu kinh tế, nhưng liệu sự chuyển dịch này có thể đem lại cho người lao động cơ hội tìm kiếm việc làm hay không? Bài viết này sẽ đo lường mức độ ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị trên đất nước Việt Nam, từ đó đưa ra kiến nghị về hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với mục tiêu giảm thất nghiệp.

Từ khóa: Cơ cấu kinh tế, thất nghiệp.

Đặt vấn đề

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu kinh tế được hiểu theo cả hai phương diện chất và lượng. Về chất, đó là các quan hệ gắn bó giữa các yếu tố kinh tế trong một chỉnh thể thống nhất và các yếu tố này vừa làm điều kiện cho nhau, vừa tác động thúc đẩy nhau đảm bảo cho nền kinh tế vận động cân đối, nhịp nhàng, đem lại hiệu quả cao. Về lượng, đó là quan hệ tỷ lệ giữa các yếu tố cấu thành nền kinh tế, quan hệ này được xác định trong một thời điểm nhất định theo chỉ số kỹ thuật hoặc chỉ số giá trị, vậy nên nó luôn vận động, biến đổi theo từng giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại. Do đó, với một nền kinh tế tăng trưởng đòi hỏi tất yếu phải có chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là một trong những nội dung quan trọng nhất của chuyển

dịch cơ cấu kinh tế, nó là quá trình thay đổi cơ cấu từ trạng thái này sang trạng thái khác (Bùi Tất Thắng, 2006). Đây là vấn đề mang tính tất yếu khách quan và là một quá trình đi lên từng bước dựa trên sự kết hợp mật thiết các điều kiện chủ quan, khách quan và lợi thế so sánh về phương diện kinh tế, tự nhiên, xã hội

Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau, chúng thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Một mặt, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là hiệu quả đương nhiên của quá trình tăng trưởng. Một trong những đặc điểm rõ nét nhất của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình tăng trưởng là việc tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm quốc nội trong khi tỷ trọng của nông

ng nghiệp lại giảm sút. Có hai lý do để giải thích cho hiện tượng này là quy luật Engel và quy luật Fisher. Engel phát hiện ra rằng khi thu nhập của các gia đình tăng lên thì tỷ lệ chi tiêu của họ cho lương thực thực phẩm giảm đi, nên nhu cầu về sản lượng nông nghiệp sẽ không phát triển nhanh như nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp, do đó phần tỷ lệ của nông nghiệp trong sản phẩm quốc dân sẽ giảm xuống (Gillis, 1997). Còn Fisher nhận định việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới sẽ có liên quan đến chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế, trong đó lao động nông nghiệp dễ dàng thay thế bằng máy móc thiết bị nên nó có xu hướng giảm dần trong cơ cấu ngành kinh tế. Lao động công nghiệp khó có khả năng thay thế hơn do tính chất phức tạp của việc sử dụng công nghệ kỹ thuật mới, đồng thời sản phẩm công nghiệp thường có độ co giãn của cầu tiêu dùng là lớn hơn 0 nên tỷ lệ lực lượng lao động công nghiệp có xu hướng tăng theo sự phát triển kinh tế. Cuối cùng, lao động dịch vụ được coi là khó có khả năng thay thế do đặc điểm kinh tế, kỹ thuật của việc tạo ra nó, đồng thời tốc độ tăng của cầu tiêu dùng sản phẩm dịch vụ lớn hơn tốc độ tăng của thu nhập sẽ khiến tỷ trọng lao động trong ngành dịch vụ tăng nhanh chóng (Phạm Ngọc Linh và Nguyễn Thị Kim Dung, 2011).

Ngoài ra, quy mô và xu hướng vận động của thị trường cũng là một trong những nhân tố rất có ý nghĩa đối với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Nó thể hiện ở chỗ khi kinh tế phát triển, mức thu nhập gia tăng, người tiêu dùng có xu hướng giảm tiêu dùng hàng thiết yếu, mở rộng cầu tiêu dùng nhiều loại hàng hóa. Sự tăng lên của cầu tiêu dùng có tác dụng thúc đẩy mở rộng cơ cấu sản xuất mà trước đây chủ yếu là nông nghiệp, làm chuyển dịch cơ cấu không những trong nội bộ các ngành, mà còn trong các thành phần kinh tế và vùng lãnh thổ (Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ, 1999).

- Mặt khác, tính chất bền vững của quá trình tăng trưởng lại phụ thuộc vào khả năng

chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Theo lý thuyết của Lewis (1954), sự chuyển dịch của lao động từ khu vực nông nghiệp với năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất lao động cao hơn làm tăng năng suất lao động của toàn nền kinh tế, đồng nghĩa với việc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn. Cơ cấu ngành hiện đại với tỷ trọng các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao, hàm lượng chất xám cao, sử dụng nhiều lao động có kỹ năng và có giá trị gia tăng cao giúp nền kinh tế đạt và duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong dài hạn (Phạm Ngọc Linh và Nguyễn Thị Kim Dung, 2011). Mặt khác, như đã đề cập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình, trong quá trình đó, cơ cấu cũ thay đổi dần dần để chuyển thành cơ cấu mới. Nếu cơ cấu kinh tế mới là hợp lý, linh hoạt sẽ tạo điều kiện tăng trưởng nhanh chóng. Sự linh hoạt của cơ cấu kinh tế được đánh giá thông qua hệ thống thông tin, khả năng tiếp nhận sự thay đổi, hoặc phản ứng với các tác nhân kinh tế, vai trò của Chính phủ trong việc phân phối các nguồn lực. Quyết định chọn ngành đúng để đầu tư nguồn lực sẽ tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh hơn và ngược lại, sẽ làm giảm tốc độ của nền kinh tế.

Ngày nay, các quốc gia đang chứng kiến nhịp độ cũng như quy mô toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ chưa từng có, tương ứng với nó là khái niệm về “chuỗi giá trị toàn cầu” được nhắc đến nhiều hơn. Có thể hiểu chuỗi giá trị toàn cầu là sự liên minh hợp tác giữa các doanh nghiệp ở các quốc gia khác nhau trên thế giới để tạo ra những giá trị và giảm thiểu chi phí. Hiện tượng này được gọi là chia sẻ sản xuất quốc tế và hội nhập theo chiều dọc của sản xuất, có quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng của mạng lưới sản xuất toàn cầu (Nguyễn Thị Lan Hương, 2011). Trong bối cảnh như vậy, một chỗ đứng của quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu sẽ cho biết quốc gia đó tăng trưởng đến đâu. Nếu như cơ cấu kinh tế được chuyển dịch mạnh theo hướng sử dụng nhiều lao động có kỹ năng cao, sản xuất và cung ứng nhiều

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

sản phẩm tinh chế dựa trên dây chuyền công nghệ hiện đại sẽ làm năng suất lao động gia tăng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với trường hợp ngược lại sẽ làm giảm năng suất của toàn nền kinh tế, từ đó dẫn đến giảm tăng trưởng kinh tế.

Với Việt Nam, tầm quan trọng của chuyển dịch cơ cấu ngành đối với tăng trưởng kinh tế đã được nhìn nhận thông qua thực tiễn. Qua 20 năm phát triển (1990-2010), kinh tế Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 7,4%/năm (Lương Minh Cừ và các tác giả, 2011). Song song với quá trình tăng trưởng đó là việc khống chế được tốc độ tăng dân số dẫn đến mức thu nhập thực tế bình quân trên đầu người ở Việt Nam có xu hướng ngày càng tăng. Đối chiếu với phân loại thu nhập của tổ chức Ngân hàng Thế giới (WB), Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải khẳng định, kể từ năm 2008 Việt Nam đã thoát ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp nhất và bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình (An Hạ, 2011). Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI xác định cần phải thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo khu vực ngành, nội ngành, đặc biệt là cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với quá trình đô thị hóa (ĐCSVN, 2011).

Vấn đề thất nghiệp

Thất nghiệp, theo định nghĩa của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được nhiều nhà kinh tế và nhiều nước tán thành, là sự ngừng thu nhập do không có khả năng tìm được một việc làm

thích hợp trong trường hợp người đó có khả năng làm việc và sẵn sàng làm việc (BLĐ TBXH, 2011).

Thất nghiệp có thể có nhiều nguyên nhân, các nhà kinh tế học đã dựa vào một số nguyên nhân chủ yếu để phân loại thất nghiệp: thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp mùa vụ... Thất nghiệp tự nguyện xuất hiện khi người lao động có cơ hội làm việc nhưng không chấp nhận công việc đó mà muốn tìm một việc khác có khả năng thỏa mãn nhu cầu cao hơn. Ngược lại, thất nghiệp không tự nguyện gồm những người không tìm được việc làm phù hợp với năng lực của họ. Thất nghiệp cơ cấu phát sinh do không có sự đồng bộ giữa tay nghề và cơ hội làm việc khi cơ cấu kinh tế thay đổi. Còn thất nghiệp mùa vụ lại thường xảy ra đối với những công việc mang tính chất thời vụ như nông nghiệp, xây dựng...

Thất nghiệp ở Việt Nam chỉ mới được đề cập vào năm 1986, sau khi Bộ luật Lao động ra đời. Thế nhưng đến năm 1996 mới tiến hành cuộc điều tra đầu tiên về lao động - việc làm, lúc này các thông tin về thất nghiệp mới được công bố một cách chính thức, theo đó, thất nghiệp được hiểu là tình trạng trong đó người có sức lao động trong độ tuổi lao động không có việc làm và đang cần tìm một việc làm có trả công (BLĐ TBXH, 2011).

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam chưa phải là vấn đề nghiêm trọng, vì nó thay đổi không nhiều trong suốt hơn thập kỷ qua. Nguyên nhân của vấn đề này là do hơn 70% dân số Việt Nam sống ở nông thôn và có đến hơn 50% tổng số lao động ở khu vực nông

Bảng 1: Tỷ lệ thất nghiệp ở Việt Nam

Đơn vị tính: %

Năm	1997	2000	2004	2005	2006	2007	2010	2011
Cả nước	2,90	2,30	2,10	2,10	2,30	2,40	2,88	2,27
Thành thị	6,01	6,42	5,60	5,31	4,82	4,64	4,29	4,00

Nguồn: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2011)

ng nghiệp được tính vào lao động có việc làm nhưng đa số họ đều kiếm được mức thu nhập rất thấp, hoặc làm việc dưới dạng tự cung tự cấp (Tổ chức Lao động Quốc tế, 2009). Điều này có nghĩa, trong khi người lao động có việc làm ở khu vực nông thôn chiếm đa số thì thất nghiệp ở khu vực thành thị lại chiếm đa số và kết quả trung bình chung trên toàn đất nước con số về tỷ lệ thất nghiệp là rất an toàn cho nền kinh tế Việt Nam (Tạp chí Wall Street 24/7 đã bình chọn Việt Nam lọt vào top 9 nước có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất thế giới (Thanh Mai, 2012)). Do đó, để làm rõ hơn những biến động về thất nghiệp ở Việt Nam, nghiên cứu này sẽ phân tích dựa trên số liệu thất nghiệp trong khu vực thành thị.

Tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị ở Việt Nam

Theo lý thuyết chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Lewis, tăng trưởng diễn ra là do sự thay đổi về cơ cấu, khi cơ cấu kinh tế dịch chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp sẽ thu hút và tạo việc làm cho tất cả lao động dư thừa từ nông thôn, khiến thất nghiệp giảm. Tuy nhiên, Harris - Todaro lại không đồng tình với quan điểm của Lewis, họ cho rằng tạo việc làm ở thành thị bằng cách mở rộng sản lượng công nghiệp vẫn không đủ để giải quyết vấn đề thất nghiệp thành thị. Thay vào đó, cũng giống như Oshima, họ đề xuất phải tăng cường việc làm ở nông thôn và tạo ra công nghệ thâm dụng lao động (Gillis, 1997).

Xuất phát từ các yếu tố bên cung, Nafziger phân tích các nguyên nhân tạo ra thất nghiệp thành thị ở những nước kém phát triển, trong đó có đề cập đến sự không phù hợp của công nghệ. Sự không phù hợp này thể hiện ở việc sử dụng công nghệ thiết kế hiện đại (dành riêng cho các nước phát triển, nơi có mức lương cao và nguồn vốn phong phú) vào các nước kém phát triển (thường có mức lương thấp và thiếu vốn). Kết quả của sự kết hợp này không chỉ là sản phẩm không đủ đáp ứng yêu cầu xã hội, mà còn góp phần làm tỷ lệ thất nghiệp cao hơn. Do đó, chính sách giảm thất nghiệp ở khu vực này phải hướng đến việc lựa chọn hợp lý giữa những công nghệ hiện có; tạo ra và áp dụng công nghệ địa phương phù hợp với các ngành sản xuất; thay đổi cơ cấu sản xuất nhằm sản xuất các sản phẩm thay thế (Nafziger, 1998).

Việt Nam là một nước nông nghiệp, phát triển theo hướng tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ đã được định hình trong hơn một thập kỷ qua. Số liệu thống kê hàng năm tại Bảng 2 cho thấy cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét, theo đó tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị có xu hướng giảm. Tuy nhiên, mức giảm của tỷ lệ thất nghiệp liệu có phải là do tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế hay không? Để trả lời câu hỏi này, tác giả sẽ sử dụng phương pháp định lượng để đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến thất nghiệp ở khu vực thành thị tại Việt Nam trong thời gian 16 năm qua, kể từ khi có điều tra về lao động việc làm đến nay.

Bảng 2: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo giá thực tế phân theo ngành kinh tế
Đơn vị tính: %

Năm	1996	1998	2000	2002	2004	2006	2008	2010	2011
Tỷ trọng nông nghiệp	25,06	23,66	23,28	21,82	20,39	18,74	17,57	16,43	16,13
Tỷ trọng công nghiệp	31,34	33,43	35,41	37,39	39,35	40,97	41,60	41,94	41,80
Tỷ trọng dịch vụ	43,60	42,91	41,30	40,79	40,25	40,29	40,82	41,63	42,07

Nguồn: Tổng cục Thống kê (1996-2011)

Mô tả số liệu và kiểm định tính dừng của các chuỗi số liệu

Sử dụng số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê Việt Nam giai đoạn 1996-2011 về: giá trị tổng sản phẩm công nghiệp, giá trị tổng sản phẩm nông nghiệp, giá trị tổng sản phẩm dịch vụ.

Gọi:

- U_t là tốc độ tăng của tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm thứ i (đơn vị tính: %)
- A_t là tốc độ tăng của giá trị tổng sản phẩm khu vực nông nghiệp năm thứ i (đơn vị tính: %)
- I_t là tốc độ tăng của giá trị tổng sản phẩm khu vực công nghiệp năm thứ i (đơn vị tính: %)
- S_t là tốc độ tăng của giá trị tổng sản phẩm khu vực dịch vụ năm thứ i (đơn vị tính: %)

Các số liệu trên được mô tả bởi giá trị trung bình thông qua Bảng 3. Tại đó, giá trị trung bình cho biết mức độ san bằng giá trị của các biến qua thời gian, còn độ lệch chuẩn cho biết mức độ dao động của biến số đó xung quanh giá trị trung bình.

Mặt khác, vì số liệu sử dụng phân tích hồi quy là số liệu chuỗi thời gian, nên cần thiết phải kiểm định tính dừng của chúng để tránh hồi quy giả mạo.

Kiểm định Dickey - Fuller được sử dụng để kiểm định nghiệm đơn vị, với giả thiết H_0 là chuỗi không dừng. Tính toán từ số liệu thu thập của

Tổng cục Thống kê cho thấy các biến số A, U, I, S đều dừng ở chuỗi gốc với các mức ý nghĩa 1% và 5%.

Ước lượng kết quả

Thực hiện hồi quy tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến thất nghiệp ở khu vực thành thị tại Việt Nam giai đoạn 1996-2011, kết quả ước lượng dựa trên phương pháp bình phương bé nhất thông thường (OLS) trong phần mềm Eview 6.0 với mức ý nghĩa 5% thu được như sau:

$$U_t = 0,09 - 2,835A_t - 1,019I_t + 2,159I_{t-1} - 1,812S_t$$

(t)	(1,134)	(-2,032)	(-1,684)	(3,758)	(-2,786)
(p)	0,286	0,072	0,126	0,004	0,021

$R^2 = 0,715$ F-statistic = 5,651 Durbin-Watson stat = 2,443

Trong đó: số trong ngoặc đơn tại dòng (t) là giá trị thống kê t tương ứng của từng hệ số hồi quy, R^2 là hệ số xác định của mô hình hồi quy và F là giá trị xác suất phân phối tương ứng của R^2 theo quy luật Fisher.

Với phương trình hồi quy đã ước lượng, các giả thiết về phân phối chuẩn, hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan, phương sai sai số thay đổi lần lượt được kiểm định. Kết quả là hồi quy trên không vi phạm các giả thiết của phương pháp bình phương bé nhất thông thường.

Diễn giải kết quả nghiên cứu

Kết quả ước lượng phương trình hồi quy trên cho thấy đa số hệ số hồi quy của các biến độc lập đều có ý nghĩa, chứng tỏ chuyển dịch cơ cấu có tác động mạnh đến tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị tại Việt Nam. Cụ thể,

Bảng 3: Tóm tắt thống kê các biến sử dụng cho mô hình hồi quy

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Giá trị lớn nhất	Giá trị nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
U	16	-0,023	0,140	0,092	0,052
A	16	0,039	0,052	0,018	0,008
I	16	0,094	0,145	0,055	0,025
S	16	0,068	0,088	0,023	0,017

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Bảng 4: Kiểm định tính dừng cho chuỗi số liệu thời gian

Biến	Mức độ	Giá trị kiểm định	Xác suất	Giá trị tới hạn (%)			Tính dừng (%)
				1	5	10	
U	D(0)	-5,380	0,005	-4,886	-3,828	-3,362	Dừng 1
A	D(0)	-4,605	0,015	-4,886	-3,828	-3,362	Dừng 5
I	D(0)	-4,173	0,008	-4,057	-3,119	-2,701	Dừng 1
S	D(0)	-3,701	0,018	-4,057	-3,119	-2,701	Dừng 5

Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

với giả định các yếu tố khác không đổi, khi tổng sản phẩm nông nghiệp tăng 1% thì thất nghiệp bình quân sẽ giảm 2,835%; khi tổng sản phẩm dịch vụ tăng 1% thì thất nghiệp bình quân giảm 1,812% và biến trở của tăng trưởng công nghiệp thể hiện nếu như tổng sản phẩm công nghiệp của năm trước tăng 1% thì sang năm sau, tỷ lệ thất nghiệp bình quân sẽ tăng lên đến 2,159%. Ý nghĩa kinh tế của mô hình thể hiện được tình trạng thất nghiệp thành thị của Việt Nam, khi tăng trưởng công nghiệp là nguyên nhân chủ yếu cho việc di cư lao động từ nông thôn lên thành thị, làm cho lực lượng lao động khu vực thành thị tăng lên. Tuy nhiên, sự tăng lên về mặt số lượng này lại không đáp ứng được cầu về chất lượng lao động công nghiệp. Với tỷ lệ lao động không có chuyên môn ở Hà Nội là 41,4%, Hải Phòng 64%, Đà Nẵng 54,4%, Tp. Hồ Chí Minh 55% và Bà Rịa - Vũng Tàu là 62,9% (Trần Thị Bình, 2009), thì quá trình di cư lao động này sẽ càng làm tăng thêm tình trạng thất nghiệp ở khu vực thành thị.

Riêng đối với biến tăng trưởng công nghiệp, kết quả hồi quy cho thấy nó không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Nghĩa là mô hình thể hiện tăng trưởng công nghiệp hiện tại không phản ánh được sự thay đổi của tỷ lệ thất nghiệp. Nguyên nhân của nó có thể như đã được đề cập đến, số lượng lao động mong muốn làm việc ở thời điểm hiện tại có trình độ tay nghề chưa đáp ứng được cầu lao động trong khu vực công nghiệp, vậy nên tăng trưởng công nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp chưa có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Bên cạnh đó, hệ số xác định $R^2 = 0,715$ phản ánh các biến độc lập trong mô hình đã giải thích được 72,5% sự thay đổi của tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị tại Việt Nam.

Kiến nghị chính sách

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thất nghiệp đều là các vấn đề trung tâm của nền kinh tế. Xem xét mối quan hệ của chúng cũng chính là đi tìm phương án tối ưu để giải quyết vấn đề. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng thất nghiệp ở khu vực thành thị bị tác động bởi các yếu tố của chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Do đó, để khống chế và tốt hơn nữa là giảm tỷ lệ này, nên chăng cả chính quyền trung ương lẫn chính quyền địa phương phải chú trọng tới việc mở rộng ngành nghề ở khu vực nông thôn nhằm hạn chế xu hướng di cư lên thành thị; đầu tư về kỹ năng, trình độ của đội ngũ lao động để đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ. Mặt khác, do đặc điểm Việt Nam hiện tại có cơ cấu dân số trẻ, dồi dào về lao động, nên nếu với mục đích là giảm thất nghiệp, thì chính quyền các cấp phải có chính sách ưu tiên sản xuất công nghiệp theo hướng thâm dụng lao động, hoặc tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế để xúc tiến hoạt động xuất khẩu lao động một cách mạnh mẽ. Và tất nhiên, với mỗi biện pháp đưa ra, chính quyền các cấp phải bảo đảm an toàn cho môi trường sinh thái và chất lượng sống của dân cư.

Kết luận

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế phản ánh xu thế công nghiệp hóa và là nội dung quan trọng

nhất của quá trình phát triển kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tỷ lệ thất nghiệp có mối quan hệ với nhau. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy các biến của chuyển dịch cơ cấu ngành có thể tác động đến sự thay đổi trong tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị theo chiều hướng thuận hoặc nghịch. Tuy nhiên, mặt hạn chế của nghiên

cứu này là chuỗi số liệu thời gian dùng cho phân tích còn quá ngắn, làm cho các biến quan sát có độ tin cậy chưa cao. Đồng thời nghiên cứu định lượng đã bỏ qua các yếu tố mang tính chất định tính như hệ thống chính trị, chính sách kinh tế, luật pháp, phong tục tập quán... Do đó, cần bổ sung các yếu tố này trong các nghiên cứu tiếp theo ■

Tài liệu tham khảo

1. An Hạ (2011). ADB: Việt Nam có tiềm năng để thoát “bẫy thu nhập trung bình”. <http://dantri.com.vn/c76/s76-478029/adb-viet-nam-co-tiem-nang-de-thoat-bay-thu-nhap-trung-binh.htm>.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011). Vấn đề thất nghiệp và khái niệm người thất nghiệp.
3. Bùi Tất Thắng (2006). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011). Văn kiện Đại hội Đảng, Hà Nội
5. Gillis, M. (1997). *Economics of Development*. Norton, USA.
6. Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ (1999). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với nền kinh tế thế giới. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Lương Minh Cừ, Đào Duy Huân và Phạm Đức Hải (2011). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mô hình tăng trưởng kinh tế Tp. Hồ Chí Minh và Việt Nam theo hướng cạnh tranh đến năm 2020. Nhà xuất bản Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh, trang 94.
8. Nafziger, W. (1998). Kinh tế học của các nước đang phát triển. Nhà xuất bản Thống kê.
9. Nguyễn Thị Lan Hương (2011). Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu ngành của nền kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ, Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
10. Phạm Ngọc Linh và Nguyễn Thị Kim Dung (2011). Giáo trình Kinh tế phát triển. Nhà xuất bản Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
11. Thanh Mai (2012). Việt Nam lọt vào top 9 nước có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất thế giới. <http://giaoduc.net.vn/NTD-thong-thai/Viet-Nam-lot-vao-Top-9-nuoc-co-ty-le-that-nghiep-thap-nhat-the-gioi/190078.gd>.
12. Tổ chức Lao động Quốc tế (2009). Xu hướng việc làm 2009. Trung tâm Dự báo và Thông tin Thị trường Lao động.
13. Trần Thị Bình (2009). Đào tạo nhân lực ở Việt Nam. <http://huc.edu.vn/vi/spct/id123/dao-tao-nhan-luc-o-Viet-Nam/>.



Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM trân trọng cảm ơn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
đã tài trợ tạp chí cho sinh viên.